

Bản án số: 16/2023/HS-PT

Ngày: 14-02-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương

Các thẩm phán:

Ông Nguyễn Mạnh Toàn

Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký Tòa án: Bà Hoàng Thị Mai L – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Ông Lưu Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2023 tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 106/2022/TLPT-HS ngày 12 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo Trần Văn K do có kháng cáo của bị cáo Trần Văn K đối với bản án hình sự sơ thẩm số 396/2022/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân TPTN, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Văn K, tên gọi khác: không. Sinh ngày 29/9/1992. ĐKKHKT: Thôn GM, xã KhNh, Huyện SD, tỉnh Tuyên Quang; Nơi ở: Tổ X, phường PĐP, TPTN, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn D1; Con bà Vi Thị V1; Vợ là Hoàng Thị Ch1, Có 01 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/01/2022 đến nay). Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo K:** Luật sư Đàm Quốc C9, thuộc Công ty Luật Quốc C9, đoàn luật sư tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

Các bị cáo không kháng cáo:

1. Nguyễn Văn Tr, tên gọi khác: không. Sinh ngày 14/01/1988. ĐKKHKT: Tổ dân phố LS, thị trấn HS, Huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; Nơi tạm trú: tổ Y, phường QuTr, TPTN, tỉnh Thái Nguyên; Có mặt.

2. Vàng Thị L, tên gọi khác: không. Sinh ngày 26/01/1998. ĐKKHKT: Bản NH, thị trấn NNh, Huyện NNh, tỉnh Lai Châu; Nơi ở: Tổ Y, phường QuTr, TPTN, tỉnh Thái Nguyên; Có mặt.

3. Nguyễn Thị V, tên gọi khác: không. Sinh ngày 20/11/2005. Tính đến ngày phạm tội bị cáo được 17 tuổi 02 tháng 06 ngày. ĐKKHKT: Xóm YH, xã

TH, Huyện TK, tỉnh Nghệ An; Nơi ở: Tổ Y, phường QuTr, TPTN, tỉnh Thái Nguyên; Có mặt.

**Người làm chứng:*

1. Anh Đinh Quang H2, sinh năm 1987, vắng mặt
HKTT: Tổ dân phố X1, thị trấn HS, Huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên
 2. Chị Trần Thị Ph, sinh năm 2003, vắng mặt
HKTT: Thôn HVN, xã NCh, Huyện TH, tỉnh Thái Bình.
 3. Chị Lý Thị Th2, sinh năm 2003; vắng mặt
HKTT: Bản NH, thị trấn NNh, Huyện NNh, tỉnh Lai Châu
 4. Chị Trương Thị Mỹ L2, sinh năm 2002; vắng mặt
HKTT: xóm X2, xã ChB, Huyện QuCh, tỉnh Nghệ An
 5. Chị Ngô Thị Ch3, sinh năm 1995. Có mặt
HKTT: Thôn BV, xã BL, Huyện HH, tỉnh Bắc Giang
(Hiện đang chấp hành án tại trại giam Phú Sơn 4- Bộ Công An)
 6. Anh Nguyễn Ng4 Th3, sinh năm 1983, vắng mặt
HKTT: Tổ X3, phường TrV, TPTN
 7. Chị Đàm Thị Như Ng4, sinh năm 1987. Vắng mặt.
HKTT: Ấp X4, xã VTh, Huyện VTh, tỉnh Hậu Giang.
- Nơi ở hiện nay: Tổ Y2, phường QV, TPTN, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 00 giờ 30 phút ngày 26/01/2022, Tổ công tác của Công an TPTN phối hợp cùng chính quyền địa phương tiến hành kiểm tra quán Karaoke KKC thuộc Tổ X, phường PDP, TPTN. Quá trình kiểm tra, phát hiện tại phòng 401 của quán có 07 nam, nữ thanh niên gồm: Nguyễn Văn Tr5, Vàng Thị L, Nguyễn Thị V (là người dưới 18 tuổi), Đinh Quang H5, Trần Thị Ph, Lý Thị Th2 và Trương Thị Mỹ L2. Nguyễn Văn Tr5 tự giác khai nhận đang cất giấu ma túy và giao nộp 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa chất tinh thể màu trắng đang để trên mặt giường góc bên phải của phòng 401; 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa 02 viên nén màu xám và các mảnh viên nén màu xám đang để tại phía trên bên trái của tủ chứa nước ngọt. Theo Tr5 khai nhận chất tinh thể màu trắng là ma túy “ke” và viên nén màu xám là ma túy “keo” do Tr5 mua để những người trong phòng 401 cùng nhau sử dụng. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng theo quy định. Ngoài ra còn thu giữ 05 điện thoại di động, 01 đĩa sứ màu trắng, 01 thẻ nhựa và 01 ống hút (BL: 33-37).

Tiến hành xét nghiệm việc sử dụng chất ma túy xác định: Nguyễn Văn Tr5, Vàng Thị L, Nguyễn Thị V, Đinh Quang H5, Trần Thị Ph, Lý Thị Th2 và Trương Thị Mỹ L2 đều dương tính với chất ma túy loại MDMA và MET. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TPTN đã cân xác định số chất tinh thể màu trắng thu giữ của Tr5 có khối lượng là 4,124 gam, ký hiệu B1 gửi giám

định; số viên nén màu xám và các mảnh viên nén màu xám thu giữ của Tr5 có khối lượng là 1,069 gam, ký hiệu C1 gửi giám định.

Tại bản kết luận giám định số 327/KL-KTHS ngày 29/01/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Chất tinh thể màu trắng trong phong bì ký hiệu B1 gửi giám định là chất ma túy, loại Ketamine, khối lượng thu giữ ban đầu là 4,124 gam. Các viên nén màu xám trong phong bì ký hiệu C1 gửi giám định là chất ma túy, loại MDMA, khối lượng thu giữ ban đầu là: 1,069 gam (BL 47).

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn Tr5, Vàng Thị L và Nguyễn Thị V khai nhận: Khoảng 22 giờ 40 phút ngày 25/01/2022, Tr5 ngồi ở quán cà phê H6 thuộc phường HVT, TPTN cùng với L, V, H5, Ph, Th2 và L2. Tại đây, Tr5 liên lạc và mua của một nam thanh niên tên T6 (không rõ lai lịch, địa chỉ) 07 viên ma túy “kẹo” với giá là 2.000.000 đồng. Mua xong, Tr5 rủ những người trên cùng đến quán Karaoke KKC để sử dụng ma túy. Sau đó, Tr5 cùng với V, H5, Ph, Th2, L2 cùng nhau đi xe taxi đến quán KKC còn L đi về phòng trọ tại tổ Y, phường QuTr, TPTN. Trên đường đi, Tr5 gọi điện thoại cho Trần Văn K là lễ tân, quản lý của quán Karaoke KKC để đặt thuê phòng 401, K đồng ý. Khi đến quán, Tr5 gặp K và Nguyễn Ng4 Th3 chủ quán, K dẫn nhóm của Tr5 lên phòng 401 ở tầng 4 của quán và bật điện, loa đài cho nhóm của Tr5 sử dụng rồi đi xuống tầng 1. Tại phòng 401, Tr5 lấy ra 01 túi nilon màu trắng bên trong có chứa 07 viên nén màu xám là ma túy “kẹo” rồi lấy ra bẻ viên ma túy “kẹo” làm đôi và chia cho mọi người, mỗi người sử dụng $\frac{1}{2}$ viên ma túy “kẹo” còn Tr5 sử dụng 1,5 viên ma túy “kẹo” đều bằng hình thức nuốt trực tiếp. Sau khi sử dụng ma túy kẹo xong, Tr5 nhắn tin cho K nhờ mua $\frac{1}{4}$ uồn ma túy “ke” nhưng K nhắn tin lại cho Tr5 bảo Tr5 gọi điện thoại cho C9 là người quen của K và Tr5 để mua ma túy. Sau đó, Tr5 gọi điện thoại cho nam thanh niên tên Vũ Mạnh C9 có số điện thoại là “0387.232.516” để hỏi mua ma túy “ke” và bảo C9 mang đến quán KKC cho Tr5, C9 đồng ý. Lúc này, L cũng đi đến quán KKC và vào phòng 401. Khi L đến, Tr5 đưa cho L $\frac{1}{2}$ viên ma túy “kẹo” để L sử dụng, còn lại 02 viên ma túy “kẹo” và các mảnh ma túy “kẹo” còn lại chưa sử dụng hết ở trong túi nilon, Tr5 để phía trên bên trái tủ chứa nước ngọt trong phòng 401. Một lúc sau, K mang thuốc lá lên phòng cho Tr5, Tr5 bảo đưa tiền cho K để nhờ K lấy hộ ma túy “ke” cho Tr5 nhưng chưa kịp đưa thì K đi ra khỏi phòng. Tr5 đưa 6.500.000 đồng cho L và bảo L đi xuống tầng 1 đưa cho K để lấy ma túy “ke”. L cầm 6.500.000 đồng Tr5 đưa rồi đi xuống tầng 1 thì gặp K ở cầu thang, L đưa cho K số tiền trên và đi theo K xuống đến chiếu nghỉ cầu thang tầng 1 và đứng chờ ở đó. K nhận được điện thoại của C9 bảo K ra ngoài cửa quán lấy ma túy “ke” cho Tr5. Một lát sau, K cầm túi ma túy “ke” đi vào trong quán và để ở chiếu nghỉ cầu thang tầng 1 chỗ L đang đứng. L cầm túi ma túy “ke” rồi đi lên phòng 401 đưa cho Tr5. Tr5 lấy đĩa sứ màu trắng có sẵn trong phòng, đốt lửa hơi nóng đĩa và đổ một phần ma túy “ke” ở trong túi nilon vào trong đĩa và sử dụng thẻ nhựa có sẵn để nghiền ma túy “ke” trong đĩa thành bột. Số ma túy “ke” còn lại trong túi nilon Tr5 để trên mặt giường của phòng 401. Sau khi nghiền ma túy “ke” xong, Tr5 kẻ ma túy “ke” thành 04 đường dài khoảng 3-4cm và dùng ống hút có sẵn hít 02 đường “ke” bằng mũi, còn lại 02 đường “ke”, Tr5 đưa cho H5 sử

dụng. Sau khi H5 sử dụng xong thì đến lượt Ph, L2 và Th2 tự kẻ “ke” để sử dụng. V kẻ ma túy “ke” do Tr5 đã nghiền sẵn thành 04 đường “ke” dài khoảng 3cm rồi bê đĩa “ke” cho L sử dụng 02 đường bằng cách hít bằng ống hút qua mũi. Sau đó V sử dụng ống hút hít 02 đường “ke” còn lại và để đĩa sứ xuống giường và nằm nghe nhạc. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 26/01/2022 thì có tổ công tác của Công an TPTN đến kiểm tra, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ, niêm phong vật chứng như đã nêu trên.

Tại cơ quan điều tra, ban đầu Trần Văn K khai nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai của Tr5, L. K thừa nhận khi Tr5 gọi điện cho K để đặt thuê phòng 401 thì K đồng ý. Tr5 có nhắn tin nhờ K mua hộ ma túy, K có nhắn lại bảo Tr5 gọi cho C9. Khi Tr5 bảo L đưa cho K 6.500.000 đồng để lấy hộ ma túy “Ke”, K đồng ý. K nhận được điện thoại của C9 bảo ra cửa lấy đồ (tức ma túy) cho phòng 401, K ra cửa và gặp hai thanh niên đi ô tô màu trắng, K đưa cho người ngồi ghế phụ 6.500.000 đồng tiền Tr5 đưa, người này đếm tiền và nói với K thiếu 100.000 đồng tiền ship, K đã trả cho họ 100.000 đồng bằng tiền của K rồi nhận từ người này 01 túi ni lon màu trắng bên trong có ma túy “ke”. K cầm gói ma túy đi vào quán đưa lại cho L. Ngoài ra, K còn khai, tối 25/01/2022, K nhận được điện thoại của Ngô Thị Ch3 thuê phòng 302 của quán KTV King, bị cáo đồng ý. K biết phòng 302 sử dụng ma túy vì trước đó C9 có đưa cho bị cáo 01 gói giấy màu trắng bên trong chứa ma túy (K không biết là loại ma túy gì, số lượng bao nhiêu) dặn mang cho Ch3 ở phòng 302. K cầm lên phòng 302 để trên mặt bàn trước mặt Ch3 rồi đi xuống tiếp tục trông quán.

Đến ngày 17/3/2022, K thay đổi lời khai: K khai, khoảng 22 giờ ngày 25/01/2022, tại quán Karaoke KKC, K đang ăn tối cùng anh Nguyễn Ng4 Th3 (là chủ quán) thì nhận được tin nhắn zalo của chị Đàm Thị Như Ng4 nhắn trên nhóm zalo “Karaoke KTV – Đặt bàn” với nội dung “302”, tức là báo có khách thuê phòng 302. Sau đó, K thấy có tin nhắn của Tr5 gửi vào nhóm zalo “Karaoke KTV – Đặt bàn” với nội dung “Đặt 401”, tức là Tr5 đặt phòng 401. K không nhận được cuộc gọi nào của Ch3 và Tr5 để đặt thuê phòng. Nhóm zalo trên gồm có K, anh Th3, chị Ng4, Tr5 và một số người (không rõ tên tuổi, địa chỉ). K khai có cầm hộ Ch3 01 gói giấy màu trắng và cầm hộ Tr5 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa các hạt trong suốt màu trắng. Tuy nhiên, không biết trong gói giấy và túi nilon chứa chất gì. Việc các đối tượng trong phòng 302 và 401 sử dụng ma túy, K không biết.

Lời khai của những người làm chứng Đinh Quang H5, Trần Thị Ph, Lý Thị Th2 và Trương Thị Mỹ L2 xác định được Tr5 rủ đến Karaoke KKC để hát karaoke, tại đây H5, Th2, Ph L2 đã được Tr5 đưa cho ma túy “keo” và “ke” để sử dụng. H5, Ph, Th2, L2, L và V đều xác định không góp tiền mua ma túy và thuê phòng để sử dụng ma túy cùng Tr5, không biết ai là người chuẩn bị dụng cụ sử dụng ma túy. Các đối tượng đều không nghiện ma túy.

Tại cơ quan điều tra Ngô Thị Ch3 khai: Ch3 gọi điện trực tiếp cho K đặt thuê phòng 302 quán KKC. Ch3 đặt mua ma túy của C9 và bảo C9 mang đến quán KKC cho Ch3. Khi Ch3 đến quán và lên phòng 302 thì K cầm 01 gói giấy

màu trắng bên trong có chứa ma túy do C9 gửi cho Ch3, K để ở mặt bàn uống nước trong phòng 302, sau đó K ra khỏi phòng (BL 341-357).

Vật chứng của vụ án gồm: 02 bì niêm phong chứa mẫu hoàn lại sau giám định và vỏ bao gói mẫu được niêm phong trong bì ký hiệu B1, C1. 02 vỏ bì niêm phong ban đầu được niêm phong trong bì ký hiệu B2, C2. 01 đĩa sứ màu trắng; 01 thẻ nhựa; 01 ống hút. 04 bì niêm phong ký hiệu Đ1, Đ2, Đ3 và Đ4 bên trong có chứa điện thoại di động.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 396/2022/HS-ST, ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân TPTN, tỉnh Thái Nguyên đã căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự: Xử phạt Trần Văn K 07 (bảy) năm 04 (Bốn) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định xử phạt các bị cáo: Nguyễn Văn Tr5 07 (bảy) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” 21 (Hai mươi một) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 09 (Chín) năm tù. Vàng Thị L 07 (bảy) năm 02 (Hai) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Nguyễn Thị V 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và quyết định về xử lý vật chứng, buộc các bị cáo chịu án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10/10/2022 bị cáo Trần Văn K kháng cáo, không nhất trí bản án sơ thẩm và cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo không đúng hành vi của bị cáo, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử về tội vận chuyển trái phép chất ma túy.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trần Văn K giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Bị cáo cho rằng: Bị cáo đã vi phạm pháp luật là nhận tiền của L vận chuyển ma túy cho L đưa cho Tr5 tại quán KTV nên bị cáo chỉ phạm tội vận chuyển trái phép chất ma túy. Bị cáo còn khai, quán KTV anh Nguyễn Ng4 Th3 là chủ quán, K là người làm thuê cho anh Th3, trước ngày bị bắt thì quán này vẫn hoạt động bình thường, K là người ghi sổ sách theo dõi khách đến thuê phòng nhưng K không cung cấp được cho cơ quan điều tra cuốn sổ này. Ngày 25/01/2022 khi Tr5 đến thuê phòng K là người dẫn lên phòng 401, K không biết anh Th3 có biết nhóm của Tr5 và Ch3 sử dụng ma túy trong phòng hay không, làm nhân viên quán KTV còn có Vũ Mạnh C9 và C9 là người cung cấp ma túy, K có thể nhận dạng C9 và biết nhà ở của C9.

Tại phiên tòa, luật sư cung cấp 01 thư viết tay của Nguyễn Văn Tr5 là bị cáo trong cùng vụ án gửi cho mẹ đẻ của bị cáo K nhờ đưa cho vợ của Tr5, bức thư có nội dung nói về cổ phần quán karaoke với anh Th3. Luật sư cho rằng đây là chứng cứ mới, chưa được điều tra làm rõ Tr5 có cổ phần cùng Th3 hay không.

Nguyễn Văn Tr5 thừa nhận đúng là bức thư của Tr5 viết trong thời gian ở trại tạm giam và có gửi cho mẹ đẻ của K nhờ đưa cho vợ Tr5. Sau khi xem lại bức thư Nguyễn Văn Tr5 xác định: Về nội dung trong bức thư có nói đến cổ phần cùng anh Th3 quán karaoke đó là quán trước đây có biển là DUBAI tại ngã ba BN, Tr5 có góp cổ phần 30.000.000đồng với anh Th3, tuy nhiên do không

xin được giấy phép kinh doanh nên quán karaoke đó không hoạt động và đã dỡ bỏ biển. Tr5 không có cổ phần gì với quán KTV của anh Th3 và K.

Tại phiên tòa phúc thẩm Nguyễn Văn Tr5, Vàng Thị L và Ngô Thị Ch3 đều khai: Tối ngày 25/01/2022 Tr5 và Ch3 trực tiếp gọi điện thoại cho K thuê phòng 401 và 302 của quán KTV. Khi đến quán KTV Tr5 là người hỏi trực tiếp K để mua ma túy ketamine, K nhất trí nhưng do đợi lâu nên Tr5 mới nhắn điện thoại cho K bảo K lấy ¼ uôn ke. Tr5 chỉ liên hệ với K nhờ mua ma túy, Tr5 không gọi cho C9 để mua ma túy. Tr5 đưa tiền cho L 6.500.000 đồng để L đưa cho K. L đã đưa cho K 6.500.000 đồng và nhận ma túy loại ketamine từ K. K thừa nhận có nhận tiền của L và có nhận túi đồ đưa cho L và K có đưa gói đồ cho Ch3 tại phòng 302. K khai không biết túi đồ đó là gì nhưng tại phiên tòa K thừa nhận K đã vận chuyển ma túy giúp Tr5, L và Ch3. K thừa nhận hành vi vi phạm pháp luật về tội vận chuyển trái phép chất ma túy.

Phần kết luận vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên sau khi phân tích tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn K. Giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo K và đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục kiến nghị trong bản án phúc thẩm để yêu cầu cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ hành vi của Nguyễn Ng4 Th3 và Vũ Mạnh C9 để xử lý theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn K trình bày quan điểm bào chữa:

Án sơ thẩm xét xử Trần văn K về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là không đúng tội danh, K không phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, K chỉ chuyển hộ ma túy Ketamine cho Tr5 nên K có hành vi phạm tội vận chuyển trái phép chất ma túy. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm. Từ đó luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tòa án có thể xét xử bị cáo theo khoản khác với khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật hoặc về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn Viện kiểm sát đã truy tố. Xét xử bị cáo về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy theo điểm g khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự là tội có khung hình phạt nhẹ hơn. Áp dụng khoản 4 Điều 153 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng ra quyết định khởi tố vụ án hình sự nếu qua xét xử tại phiên tòa có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm, khởi tố vụ án đối với dấu hiệu bỏ lọt tội phạm.

Bị Cáo Trần Văn K nhất trí lời bào chữa của luật sư, không tranh luận, bổ sung nội dung nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên sau khi tranh luận và đối đáp lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo K. Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã đề nghị tại phiên tòa.

Lời nói sau cùng bị cáo Trần Văn K đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo về tội danh Vận chuyển trái phép chất ma túy để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Văn K làm trong hạn luật định được đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trần Văn K cho rằng:

K không nhận được cuộc gọi nào của Ch3 và Tr5 để đặt thuê phòng. Nhóm zalo gồm có K, anh Th3, chị Ng4, Tr5 và một số người (không rõ tên tuổi, địa chỉ). K khai có cầm hộ Ch3 01 gói giấy màu trắng và cầm hộ Tr5 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa các hạt trong suốt màu trắng. Tuy nhiên, không biết trong gói giấy và túi nilon chứa chất gì. Việc các đối tượng trong phòng 302 và 401 sử dụng ma túy, K không biết. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là không đúng, bị cáo bị oan. Bị cáo chỉ vận chuyển ma túy giúp Tr5 và Ch3. Các bản tự khai do bị cáo tự viết nhưng do cán bộ điều tra đọc cho bị cáo viết nên không đúng bản chất của vụ án.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại các bản tường trình và bản tự khai ngày 26/01/2022, bản tự khai các ngày 29/01/2022; 30/01/2022, các lời khai ngày 26/01/2022; 29/01/2022; 30/01/2022; 09/02/2022; 17/02/2022 Trần Văn K đều thừa nhận: Khi K nhận được điện thoại của Tr5 và Ch3 hỏi thuê phòng 401, 302 và biết Tr5 và Ch3 thuê phòng để sử dụng ma túy. K có cầm tiền của Tr5 thông qua L để lấy hộ ma túy “ke” cho Tr5. Đồng thời K cũng mang gói ma túy bọc bên ngoài giấy trắng do C9 nhờ lên phòng 302 đưa cho Ch3. Lời khai của Trần Văn K phù hợp với lời khai của các bị cáo Tr5, L, Ch3 là các bị cáo trong cùng vụ án đều khẳng định Tr5 liên hệ với K để thuê phòng và nhờ K mua hộ ma túy, K đồng ý, Tr5 đưa tiền cho L để đưa cho K mua hộ ma túy, K đưa ma túy cho L và đưa ma túy cho Ch3 để cho các đối tượng trong phòng 401 và 302 cùng sử dụng. Như vậy có đủ căn cứ xác định Trần Văn K đã thực hiện hành vi cho Tr5 và Ch3 thuê phòng 401 và 302 quán KTV và cung cấp ma túy cho Tr5 và Ch3 cùng các đối tượng khác sử dụng ma túy tại quán KTV nơi K thực hiện nhiệm vụ làm lễ tân.

Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trần Văn K về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 BLHS là đúng người, đúng tội, không oan, đúng quy định của pháp luật.

Xét kháng cáo của của bị cáo K như phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận. Không có cơ sở chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Trần Văn K về tội danh Vận chuyển trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự.

Về nội dung luật sư bào chữa cho bị cáo K đề nghị xem xét về việc bỏ lọt tội phạm trong vụ án này. Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình xét xử tại cấp sơ thẩm, Tòa án nhân dân TPTN đã ra quyết định trả Hồ sơ để điều tra bổ sung trong đó có nội dung làm rõ hành vi của Vũ Mạnh C9 là người bán ma túy như lời khai của K và Nguyễn Ng4 Th3 là chủ quán KKC. Tuy nhiên, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố không xử lý đối với Th3 và C9. Căn cứ Điều 298 của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định về giới hạn của việc xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xét xử đối với các bị cáo theo bản cáo trạng của Viện

kiểm sát nhân dân TPTN đã truy tố đối với các bị cáo và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã kiến nghị cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh xử lý hình sự đối với người bán ma túy tên C9 và xác minh, điều tra xử lý đối với hành vi của Th3 theo quy định của pháp luật là có căn cứ, tránh bỏ lọt tội phạm.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo K phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét, có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn K. Giữ nguyên hình phạt của bị cáo Trần Văn K theo quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 396/2022/HS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân TPTN, tỉnh Thái Nguyên.

[2.] Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255 BLHS; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 BLHS: Xử phạt Trần Văn K 07 (bảy) năm 04 (Bốn) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 26/01/2022.

Căn cứ Điều 347 Bộ luật tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Văn K 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

[3]. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 về án phí.

Buộc bị cáo Trần Văn K phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TN, Sở TP;
- TAND TPTN;
- Công an TPTN;
- THADS TPTN;
- THA hình sự;
- Trại tạm giam Công an tỉnh TN;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Phương

